



MÔN THI TIẾNG ANH

CHUYÊN ĐỀ 16: GIỚI TỪ - PREPOSITIONS

CHUYÊN ĐỀ 16

GIỚI TỪ - PREPOSITIONS

MỘT SỐ GIỚI TỪ CƠ BẢN

in (dùng trước địa điểm là thành phố, đất nước, trước năm, trước tháng, mùa ...)	I was born in Ha Nam.
at (dùng trước giờ, buổi trưa, tối, địa điểm nhỏ ...)	I eat lunch at noon.
on (đứng trước thứ trong tuần...)	I work on Saturdays.
Một số cụm giới từ cơ bản thường gặp: <ul style="list-style-type: none"> - in the morning/afternoon/evening - at the end of (cuối của ...) # in the end (cuối cùng thì) - at the beginning of (vào đầu của ...) # in the beginning (ban đầu) - on the bed (trên giường) - in the library (ở thư viện) - at the airport (ở sân bay) 	

I. TỔNG HỢP CÁC TÍNH TỪ THƯỜNG GẶP ĐI VỚI GIỚI TỪ TO - OF - FOR - WITH

1. ADJECTIVES + TO

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Addicted to: nghiện cái gì	Honestly, i'm addicted to social media.
Dedicated/ devoted/ committed to: cống hiến, tận tâm	She is committed to teaching adults.
Harmful to >< beneficial to: có hại cho >< có lợi cho	Smoking is harmful to your health.
Loyal/ faithful to: trung thành với	She is always loyal to her boss.



Grateful/ thankful to sb for sth: biết ơn ai về điều gì	I'm always grateful to him for helping me.
Important to sb: quan trọng với ai	I think his career is more important to him than i am.
Sensitive to: nhạy cảm với điều gì	Dogs are sensitive to humans' feelings.
Similar to: tương tự với	Your bag is similar to mine.
Responsible to sb: có trách nhiệm với ai Responsible for sth: chịu trách nhiệm cho điều gì	The state president is responsible to his people.
Indifferent to: thờ ơ với	He's totally indifferent to social media.
Allergic to: dị ứng với	I'm totally allergic to coffee.
Kind to sb: tử tế với ai	She's really kind to my mom.
Related to: liên quan tới	He was related to that crime.
Get/be used to/accustomed to: quen với việc gì	He is used to getting up early.
Vulnerable/susceptible to: dễ bị tổn thương	The old are vulnerable to the disease.

2. ADJECTIVES + OF

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Afraid/scared/frightened of: sợ hãi	I'm totally afraid of ghosts!
Aware of/conscious of: nhận thức được	Youngsters nowadays are fully aware of environmental problems.
Capable of: có khả năng làm gì	He's capable of reading a long text in 2 minutes.
Ashamed of: xấu hổ về	She was deeply ashamed of her behaviour at the party.
Envious/jealous of: ghen tỵ về	Other girls were jealous of her good looks.
Fond of: yêu thích gì	I'm fond of reading novels.
Guilty of: cảm thấy tội lỗi	She may be guilty of murder.
Innocent of: ngây thơ, vô tội	He's innocent of any crimes.
Proud of: tự hào về	I'm really proud of my son!
Independent of: độc lập	You should become more independent of your mother.
Typical of: điển hình	This meal is typical of local cookery





3. ADJECTIVES + FOR

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Good for sth > bad for sth: có lợi > có hại cho	Drinking too much water can be bad for your health.
Eligible for/qualified for: đủ điều kiện cho	People aged 70 and over are eligible for covid-19 vaccines.
Famous for: nổi tiếng vì điều gì	Hanoi is famous for "pho".
Late for: muộn	He's late for class.
Responsible for sth/V-ing: chịu trách nhiệm cho	I'm responsible for cleaning the table.
Suitable for: phù hợp	He's not really suitable for this job.
Useful for sth: hữu ích cho	This course is useful for beginners.

4. ADJECTIVES + WITH

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Fed up with/ bored with: chán với điều gì	I'm totally fed up with her crying.
Content with/satisfied with: hài lòng với	Aren't you satisfied with our service?
Popular with sb: phổ biến với ai	This song is popular with many young people.
Crowded with/packed with: chật cứng, đông đúc	Tam chuc pagoda is packed with tourists.
Annoyed with sb at/about sth: bực tức với về điều gì	He's annoyed with me at my carelessness.
Familiar with: quen thuộc với	I'm not familiar with this area.
Pleased with: hài lòng với	I'm pleased with my result.

II. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: Linh is keen _____ cycling to school.

- A. in B. on C. about D. of

Question 2: It's very kind _____ you to assist me in finding a job.

- A. of B. to C. in D. about



Question 3: Because of the heavy traffic, I was late _____ school today.

- A. on B. to C. at D. for

Question 4: As soon as you arrive _____ the airport, please call me.

- A. at B. in C. of D. on

Question 5: He is capable _____ learning a poem by heart in less than 5 minutes.

- A. to B. at C. of D. in

Question 6: I'm already fed up _____ the hectic pace of city life.

- A. with B. at C. to D. of

Question 7: Young people seem to be indifferent _____ pressing issues in society.

- A. at B. to C. for D. with

Question 8: Da Nang is famous _____ nice weather and breathtaking scenery.

- A. with B. to C. for D. at

Question 9: My sister is proud _____ her melodious voice.

- A. with B. at C. to D. of

Question 10: Pho is very popular _____ those who love street foods in Vietnam.

- A. at B. for C. with D. of

Question 11: Some men still smoke though they know it's harmful _____ their health.

- A. with B. to C. of D. at

Question 12: I have the habit of cycling _____ the afternoon after I finish my work.

- A. on B. at C. in D. to

Question 13: This attitude is typical _____ older people.

- A. of B. on C. in D. at

Question 14: Only those who have valid tickets are eligible _____ this programme.

- A. in B. at C. to D. for

Question 15: James wasn't very satisfied _____ the final result of the competition.

- A. with B. on C. in D. at

Question 16: Some young people aren't aware _____ the danger of sordid content on TikTok.

- A. to B. of C. in D. on

Question 17: Since some of its images appeared on social media, the pagoda has been crowded _____ tourists.

- A. for B. to C. with D. of

Question 18: It's high time you had to be financially independent _____ your parents.





A. to B. at C. of D. on

Question 19: If you feel tired, just lay _____ the bed.

A. for B. of C. to D. on

Question 20: This film is not suitable _____ children because it contains too much violence.

A. for B. at C. on D. of

Question 21: Are you fond _____ reading detective novels?

A. with B. to C. of D. in

Question 22: She is the person I trust the most; she's very kind _____ me.

A. at B. of C. in D. to

Question 23: He didn't dare to jump because he was frightened _____ height.

A. in B. of C. to D. on

Question 24: He felt ashamed _____ his bad behaviour last night.

A. to B. in C. at D. of

Question 25: She's dedicated _____ teaching children in mountainous areas.

A. to B. at C. of D. in

Question 26: Young children are particularly vulnerable _____ food allergy.

A. to B. for C. at D. in

Question 27: Everyone in my class was envious _____ her having a chance to meet the president.

A. at B. of C. on D. with

Question 28: Tom is responsible _____ booking hotel rooms and ticket flights.

A. on B. to C. with D. for

Question 29: She could have copied my essay. Her essay was strikingly similar _____ mine.

A. at B. for C. to D. in

Question 30: It's worrying that many high school students are addicted _____ social networking sites.

A. for B. at C. on D. to

III. TỔNG HỢP CÁC TÍNH TỪ THƯỜNG GẶP ĐI VỚI GIỚI TỪ IN - FROM - ABOUT - ON - AT

1. ADJECTIVES + IN

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
-------------------	----------------



Experienced in: có kinh nghiệm	He's very <u>experienced in</u> teaching english to adults.
Interested in: quan tâm tới thứ gì	I'm not really <u>interested in</u> talking to girls.
Rich in: giàu (chất gì đó)	The dish is <u>rich in</u> vitamins.
Proficient in/at: thành thạo	He's <u>proficient in</u> his job.
Successful in: thành công trong việc gì	They were <u>successful in</u> winning the contract.
Weak in: không giỏi về thứ gì	I was always <u>weak in</u> the science subjects.
Involved in: liên quan tới, tham gia vào	He became actively <u>involved in</u> politics.

2. ADJECTIVES + FROM

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Different from: khác biệt với	Their tastes are <u>different from</u> mine.
Absent from: vắng mặt	Most pupils were <u>absent from</u> school at least once.
Derived from: bắt nguồn từ	This dish is <u>derived from</u> japan.
Safe from: không bị đe dọa bởi	Nobody is <u>safe from</u> suspicion at the moment.
Isolated from/ separate from: bị tách biệt	He was <u>isolated from</u> all the other prisoners.

3. ADJECTIVES + ABOUT

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Anxious/ worried about: lo lắng về điều gì	He seemed <u>anxious about</u> the meeting.
Concerned about: quan tâm, lo lắng điều gì	We are extremely <u>concerned about</u> her.
Crazy about: điên cuồng về thứ gì	I used to be <u>crazy about</u> kpop.
Curious about: tò mò, hiếu kỳ	She was <u>curious about</u> what had happened.
Doubtful about: nghi ngờ, không chắc chắn	Rosy was <u>doubtful about</u> the whole idea
Excited about: hứng thú với điều gì	I'm very <u>excited about</u> the news.
Enthusiastic about: hứng thú với	She was still really <u>enthusiastic about</u> going to Spain.
Glad about: vui mừng về điều gì	She wasn't going to leave, and he was <u>glad about</u> that.
Nervous about/of: lo lắng về điều gì	Consumers are very <u>nervous about</u> the future.



Optimistic about >< pessimistic about: lạc quan >< bi quan	Peter is not <u>optimistic about</u> the outcome.
Upset about: buồn rầu về thứ gì	There's no point getting <u>upset about</u> it.
Serious about: nghiêm túc về vấn đề gì	Is she <u>serious about</u> wanting to sell the house?

4. ADJECTIVES + ON

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Keen on: thích thú	I'm very <u>keen on</u> cooking.
Based on: dựa trên cái gì	The film is <u>based on</u> a real story.
Dependent on = reliant on: phụ thuộc vào	Success is <u>dependent on</u> how hard you work.
Hooked on sth: nghiện cái gì	He's hooked on fried chicken.

5. ADJECTIVES + AT

TÍNH TỪ + GIỚI TỪ	VÍ DỤ MINH HỌA
Good at >< bad at: giỏi >< kém về thứ gì	I'm not very <u>good at</u> memorizing things.
Annoyed at/about sth: tức giận về điều gì	I was a little <u>annoyed at</u> the whole thing.
Surprised/ amazed/ astonished at/by sth: ngạc nhiên với điều gì	My parents looked <u>astonished at</u> my news.
Furious at sb/sth: tức giận với ai/cái gì	She was absolutely <u>furious at</u> having been deceived.
Shocked at/by: bị sốc bởi	We were all <u>shocked at</u> the news of his death.

IV. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: All of them didn't seem enthusiastic _____ the year-end party.

- A. in B. about C. to D. at

Question 2: Not only does Sam play the guitar well but he's also good _____ playing chess.

- A. for B. in C. at D. on

Question 3: It's quite surprising that many young people are interested _____ archeology.

- A. at B. of C. to D. in



Question 4: Our children were so excited _____ the field trip that they couldn't sleep all night long.

- A. of B. about C. to D. on

Question 5: Her mother is heavily dependent _____ sleeping pills.

- A. on B. at C. for D. of

Question 6: Jane is crazy _____ pop music; she can listen to this musical genre all day.

- A. about B. to C. on D. in

Question 7: One of the greatest things about this film is that it is based _____ a real story.

- A. in B. at C. on D. of

Question 8: We're totally astonished _____ her amazing culinary skills.

- A. for B. of C. in D. by

Question 9: The updated version of the manuscript is quite different _____ the original one.

- A. at B. from C. on D. of

Question 10: Paparazzi are very curious _____ celebrities' private lives.

- A. in B. at C. on D. about

Question 11: Tom was absent _____ class this morning because he got up late.

- A. for B. to C. from D. with

Question 12: With waves of layoffs in many countries, some people are worried _____ losing their jobs.

- A. about B. on C. of D. in

Question 13: You can seek advice from Hung; he's very experienced _____ teaching.

- A. at B. of C. to D. in

Question 14: Some people believe that this symbol is derived _____ Japan.

- A. of B. from C. with D. to

Question 15: The manager is glad _____ the successful completion of the project.

- A. of B. to C. about D. with

Question 16: The campaign was successful _____ convincing people to stop smoking.

- A. in B. on C. of D. to

Question 17: Are you really serious _____ quitting your job?

- A. on B. of C. about D. with

Question 18: Tim is very anxious _____ the job interview tomorrow.

- A. about B. at C. of D. to

Question 19: We were just bystanders who weren't involved _____ the fight.





A. at B. in C. to D. with

Question 20: Some men are really keen _____ cooking and shopping.

A. at B. to C. of D. on

Question 21: We're amazed _____ how quick her recovery is.

A. for B. in C. with D. at

Question 22: You should eat more fresh fruits because they're rich _____ vitamins.

A. on B. with C. in D. of

Question 23: I am shocked _____ how Martin has changed.

A. at B. on C. to D. in

Question 24: The government has been successful _____ containing the spread of the disease.

A. on B. in C. with D. to

Question 25: He is quite enthusiastic _____ competing in the annual marathon of the city.

A. on B. by C. at D. about

DANH TỪ ĐI SAU GIỚI TỪ

1. DANH TỪ + TO

DANH TỪ ĐI VỚI TO	CÂU VÍ DỤ
Attitude to/towards: thái độ đối với thứ gì	He has a very bad attitude to/towards work.
(make) a contribution to: đóng góp cho	This invention made a major contribution to road safety.
Admission to: được chấp nhận vào đâu	Last admissions to the park are at 4 p.m.
Devotion to: cống hiến cho	His devotion to his wife and family is touching.
Damage to: thiệt hại cho	The storm caused damage to our village.
Addiction to: nghiện thứ gì	He is now fighting his addiction to alcohol.
Invitation to: lời mời tới đâu	Thanks for the invitation to your birthday party.
Reaction to: phản ứng với	I was shocked at her reaction to the news.
Key/solution to: giải pháp cho thứ gì	Leading a plastic-free lifestyle is the key to solving the environmental problems.

2. DANH TỪ + FOR

DANH TỪ ĐI VỚI IN	CÂU VÍ DỤ
-------------------	-----------



Demand for: nhu cầu cho thứ gì	There's an increasing <u>demand for</u> user-friendly products.
Passion for: niềm đam mê với thứ gì	I have had a <u>passion for</u> english since i was a child.
Inspiration for: nguồn cảm hứng cho	Looking for <u>inspiration for</u> a new dessert?
Desire for: mong muốn, khao khát	There is a strong <u>desire for</u> peace among the people.
Room for: chỗ trống cho	Is there enough <u>room for</u> me in the car?
Reason for: lý do cho	What was the <u>reason for</u> the fight?

3. DANH TỪ + IN

DANH TỪ ĐI VỚI IN	CÂU VÍ DỤ
Increase/rise in: tăng >< fall/drop/decrease in: giảm	Any <u>increase in</u> production would be helpful
Advance in sth: tiến bộ trong thứ gì	Humans have witness major <u>advances in</u> the field of physics.
Confidence in sb/sth: tin tưởng đối với ai/cái gì	The players all have <u>confidence in</u> their captain.
Interest in: say mê, thích thú với cái gì	I've always had an <u>interest in</u> history.
Experience in sth: có kinh nghiệm trong	She has a lot of <u>experience in</u> marketing.

4. DANH TỪ + OF

DANH TỪ ĐI VỚI OF	CÂU VÍ DỤ
Cause of sth: nguyên nhân của	One of the <u>causes of</u> this problem is little exposure to foreign languages.
In danger of sth: gặp nguy hiểm	Species are <u>in danger of</u> extinction.
Fear of sb/sth: sợ ai/cái gì	<u>Fear of</u> crime can affect people's lives.
On behalf of: thay mặt cho	He gave an apology to us <u>on behalf of</u> his company.

GIỚI TỪ ĐI TRƯỚC DANH TỪ

GIỚI TỪ ĐI TRƯỚC DANH TỪ	CÂU VÍ DỤ
By chance/accident/mistake: tình cờ	I met twice <u>by chance</u> .

By heart: học thuộc lòng	Learning by heart is not an ideal way.
In charge of: chịu trách nhiệm	The teacher put me in charge of organizing the project.
In advance: đặt trước	Book your table in advance !
In debt: trong nợ nần	The company is deep in debt .
On strike: đình công	The city's bus drivers have been on strike for three weeks.
Out of work: thất nghiệp	Both she and her husband are out of work .
Out of order: hỏng hóc	The printer is currently out of order .
Out of date/fashion: lỗi thời	This shirt is out of date .

II. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: The television was out ____ order, so I couldn't watch my favourite programme.

- A. with B. of C. to D. at

Question 2: We were asked to learn the poem ____ heart so as to recite it in the next class.

- A. by B. with C. for D. of

Question 3: Phong has shown a great passion ____ painting since the day he came here.

- A. for B. in C. up D. with

Question 4: The witness's reaction ____ the question is also important in the investigation process.

- A. of B. on C. to D. in

Question 5: The reason ____ his late submission was unbelievable!

- A. in B. to C. with D. for

Question 6: The decrease ____ the use of disposable items shows a change in people's lifestyles.

- A. in B. at C. in D. to

Question 7: I revealed the secret of the surprise birthday party to Mary ____ mistake.

- A. for B. in C. on D. by

Question 8: Advances ____ telecommunications infrastructure have impacts on technology firms.

- A. in B. on C. at D. with



Question 9: The kids show a big interest ____ fairy tales.

- A. in B. at C. of D. on

Question 10: The demand ____ VinFast cars has decreased due to their depreciation.

- A. on B. at C. for D. by

Question 11: Her dedication ____ the orphanage touched many people.

- A. by B. in C. to D. with

Question 12: The sales department saw a significant increase ____ February's sales.

- A. for B. on C. at D. in

Question 13: They have extensive experience ____ running programs and organising events.

- A. of B. in C. with D. for

Question 14: Workers in industrial zones are ____ danger of losing their jobs due to the economic crisis.

- A. for B. in C. at D. to

Question 15: The fear ____ failure is sometimes necessary to become motivated.

- A. on B. for C. of D. in

Question 16: Fine dust is a major cause ____ respiratory diseases.

- A. on B. in C. to D. of

Question 17: He came alone to attend the meeting ____ behalf of the whole family.

- A. on B. at C. with D. for

Question 18: I met an old friend ____ chance at the local outdoor market.

- A. for B. to C. by D. on

Question 19: If you want to make an appointment with the dentist, let me know ____ advance.

- A. in B. of C. to D. with

Question 20: My sister has been ____ work for a month and is looking for a new job.

- A. on B. at C. out of D. to

Question 21: Mark and Cindy are ____ charge of designing the posters for the event.

- A. on B. for C. to D. in

Question 22: Your attitude ____ work determines largely how much effort you put into it.

- A. to B. at C. on D. with

Question 23: The earthquake's damage ____ Turkey was immeasurable.

- A. for B. by C. at D. to

Question 24: Nowadays, no one likes this model anymore; it has been out ____ date.





A. of B. at C. on D. to

Question 25: Although he passed away a century ago, his contributions _____ medicine are still valuable.

A. at B. with C. to D. on

Question 26: Admission _____ ASEAN gives Vietnam a lot of new opportunities.

A. on B. at C. for D. to

Question 27: Realistic goals and smart strategies are the keys _____ a successful business.

A. to B. on C. at D. with

Question 28: Jane knocked over a man's car _____ accident and he got mad at her.

A. for B. by C. with D. on

Question 29: One of the solutions _____ obesity is to increase taxes on sugary drinks.

A. on B. of C. to D. at

Question 30: If you have confidence _____ me, I will not disappoint you.

A. on B. of C. to D. in

III. TỔNG HỢP CÁC ĐỘNG TỪ ĐI VỚI GIỚI TỪ THƯỜNG GẶP

1. ĐỘNG TỪ + WITH

ĐỘNG TỪ ĐI VỚI WITH	CÂU VÍ DỤ
Deal with = cope with: giải quyết, đối phó	It's important to deal with this problem now.
Give sb a hand with sth: giúp ai làm gì	My parents always give me a hand with my homework.
Provide sb with sth: cung cấp cho ai cái gì Provide sth for sb: Cung cấp cái gì cho ai	They supplied the locals with food.
Agree with sb on/about sth: đồng ý với ai về điều gì	He agreed with them about the need for change.
Be covered/packed with/crowded with: bị bao phủ, rất nhiều, chật cứng	The pagoda is crowded with tourists.
Comply with = adhere to = conform to = abide by = stick to = observe = follow = obey: tuân thủ với	The citizens are required to comply with the rules.
Coincide with: trùng hợp, giống với	Her story coincided exactly with her brother's.

2. ĐỘNG TỪ + IN



ĐỘNG TỪ ĐI VỚI IN	CÂU VÍ DỤ
Be engrossed in: chìm đắm trong thứ gì	She was engrossed in conversation.
Participate in = partake in = take part in: tham gia vào	He was persuaded to participate in the contest.
Believe in: tin tưởng vào	She always believes in herself.
Confide in sb: giải bày tâm sự với ai, tin tưởng	It is important to have someone you can confide in .
Result in: dẫn tới	The virus resulted in hundreds of thousands of deaths.
Succeed in: thành công trong việc gì	He succeeded in being admitted to the college.
Specialize in: chuyên về	He specialized in criminal law.

3. ĐỘNG TỪ + FROM

ĐỘNG TỪ ĐI VỚI FROM	CÂU VÍ DỤ
Suffer from: hứng chịu gì	I often suffer from insomnia.
Abstain from: kiêng thứ gì	She was advised to abstain from alcohol.
Graduate from: tốt nghiệp	I graduated from hanoi open university.
Be derived from: bắt nguồn từ	The virus was derived from wuhan (china).
Recover from: phục hồi	It will take time to recover from the illness.
Result from = stem from: là kết quả của	His sleep deprivation stemmed from his frequent use of social media at late night.
Prevent/deter/bar/hinder sb from doing sth: ngăn ai làm gì	His broken leg prevented him from attending the college.
Resign from: từ chức	She formally resigned from the government.

4. ĐỘNG TỪ + TO

ĐỘNG TỪ ĐI VỚI TO	CÂU VÍ DỤ
Adapt to: thích ứng với	It takes 3 months for him to adapt to the new studying environment.
Lead to: dẫn tới	It will lead to rising unemployment.
Object to: phản đối với	Some people objected to the revised proposal.



Devote (oneself) to sth: cống hiến	He devoted all his attention to his mother.
Belong to: thuộc về	The islands belong to Spain.

5. ĐỘNG TỪ ĐI VỚI ON

ĐỘNG TỪ ĐI VỚI TO	CÂU VÍ DỤ
Blame sth on sb/ blame sb for sth: Đổ lỗi cho ai về điều gì	My mother blamed the accident on me.
Concentrate on: tập trung vào	It's hard to concentrate on the lesson.
Depend on/rely on/ count on sb: tin cậy ai	I'm counting on you to help me.
Impose on: áp đặt	The government imposed high taxes on businesses.
Be based on: được dựa trên	The novel was based on a real story.
Compliment sb on sth: khen ai về điều gì	My boyfriend complimented me on my hair style.

IV. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: Despite the challenges, she managed to deal _____ the workload efficiently and meet the deadlines.

- A. with B. in C. of D. about

Question 2: Would you mind giving me a hand _____ moving this furniture into the living room?

- A. about B. for C. with D. on

Question 3: The organization provided each family affected by the disaster _____ essential supplies and shelter.

- A. for B. to C. with D. in

Question 4: After thorough discussion, the team finally agreed _____ the client _____ the project budget.

- A. about/with B. with/on C. with/in D. at/on

Question 5: The concert venue was packed _____ excited fans eager to see their favorite band perform.

- A. with B. on C. for D. about



Question 6: Employees must _____ with the dress code policy to maintain a professional appearance.

- A. abide B. comply C. stick D. obey

Question 7: His schedule coincided _____ hers, allowing them to meet for lunch.

- A. with B. for C. of D. at

Question 8: She was completely engrossed _____ the captivating storyline of her favorite novel.

- A. in B. at C. for D. with

Question 9: Students eagerly partake _____ various clubs and sports teams to enrich their academic experience.

- A. at B. on C. inside D. in

Question 10: He confided _____ his sister about his struggles with anxiety and depression.

- A. at B. with C. of D. in

Question 11: Lack of preparation can result _____ poor performance in exams and assessments.

- A. from B. in C. at D. on

Question 12: The university prides itself on specializing _____ cutting-edge research and innovation in the field of biotechnology.

- A. at B. on C. in D. of

Question 13: She suffers _____ chronic migraines, which often incapacitate her for days at a time.

- A. to B. from C. of D. about

Question 14: To maintain his health, he abstains _____ consuming sugary drinks and junk food.

- A. to B. at C. for D. from

Question 15: After years of hard work, she finally graduated _____ university with honors.

- A. from B. at C. in D. on

Question 16: The word "robot" is derived _____ the Czech word "robota".

- A. at B. on C. about D. from

Question 17: With proper medical treatment and support, he was able to recover _____ his injuries.

- A. at B. on C. about D. from

Question 18: Economic instability often results _____ poor financial management and lack of foresight.



A. from B. in C. at D. on

Question 19: Feeling overwhelmed by stress, she decided to resign _____ her demanding job.

A. to B. at C. for D. from

Question 20: Moving to a new country required her to adapt _____ a different culture and way of life.

A. to B. at C. for D. from

Question 21: Poor communication can lead _____ misunderstandings and conflicts within a team.

A. about B. to C. for D. from

Question 22: Many people object _____ the use of animals in scientific experiments.

A. with B. to C. for D. about

Question 23: He devoted himself _____ studying medicine and helping underserved communities.

A. with B. to C. for D. about

Question 24: The antique vase belongs _____ the Ming Dynasty and is of great historical value.

A. from B. at C. for D. to

Question 25: He always blames his mistakes _____ others instead of taking responsibility.

A. for B. at C. on D. about

Question 26: To improve productivity, it's essential to concentrate _____ one task at a time.

A. on B. at C. in D. about

Question 27: In times of need, you can depend _____ your closest friends for support.

A. from B. at C. in D. on

Question 28: The government decided to impose taxes _____ imported goods to protect domestic industries.

A. on B. at C. in D. to

Question 29: The success of the project is based _____ thorough research and analysis.

A. at B. on C. about D. from

Question 30: She complimented him _____ his impeccable taste in fashion.

A. at B. on C. about D. from